

Phụ lục A: Bảng quy trình Xử lý PBMC

Lưu ý: Phải điền các trường trong bảng quy trình xử lý này bằng bút viết thủ công.

| Phòng thí nghiệm Xử lý Mẫu: | | Giao thức xử lý: | | |
|--|------------------------------------|-----------------------------|-----|--------------------------------|
| ID người tham gia (PTID/PID): | Số Buổi khám: | Loại Buổi khám: | | |
| Ngày Thu thập: | Giờ Thu thập: | Người Xử lý (Tên viết tắt): | | |
| Ngày Bắt đầu Xử lý: | Giờ Bắt đầu Xử lý: | Ngày Hết hạn | | |
| Các Thuốc thử | Nhà sản xuất | Lô Số | | Ngày Hết hạn |
| DMSO | | | | |
| FBS | | | | |
| WDR: HBSS hoặc PBS (khoanh tròn một) | | | | |
| Ống Tách Tế bào (frit) | | | | |
| Môi trường Gradient Tỷ trọng | | | | |
| | Thể tích tính bằng mL (ghi là X,Y) | | | Ngày Hết hạn |
| CPS | CPS | DMSO | FBS | 1 ngày làm việc (<18 giờ) |
| | | | | |
| Dữ liệu cần Thu thập Trong khi Xử lý | | | | Mẫu |
| Loại ống mẫu (khoanh tròn một hoặc ghi loại ống khác) | | | | ACD / HEP / EDT Khác: _____ |
| Tình trạng máu (khoanh tròn một hoặc nhiều loại; nhận xét ở mặt sau nếu cần) | | | | SAT/ HEM / CLT |
| Thể tích máu toàn phần khả dụng đo được (đến 0,1mL gần nhất) | | | | mL |
| Cho biết phương pháp xử lý (khoanh tròn một) | | | | CSTFB / xếp trên / xếp dưới |
| Phương pháp Đếm: Cho biết tên thiết bị cụ thể hoặc đếm thủ công (ghi vào phần bên phải) | | | | |
| Đếm thể tích tái nhũ tương HBSS (hoặc WDR khác) (V) (ghi là X,Y) | | | | mL |
| Nồng độ trung bình số tế bào (C) | | | | $\times 10^6$ tế bào/mL |
| Tổng số tế bào (T) = C x V | | | | 10^6 tế bào |
| Tính hiệu suất tế bào/mL máu toàn phần (Kiểm tra QC) = (T/Thể tích Máu Toàn phần Khả dụng) | | | | $\times 10^6$ tế bào/mL |
| Tính thể tích tái nhũ tương CPS ước lượng (V1)=(T/15x10⁶ tế bào/mL)(1mL) | | | | mL |
| Tính thể tích tái nhũ tương CPS sau cùng (Vf), (V1 được làm tròn xuống (X,0) mL gần nhất) | | | | mL |
| Tính số tế bào thực tế trên mỗi ống N2 = (T/ Vf) x V2; (V2=1 mL). | | | | $\times 10^6$ tế bào/ống |
| In và dán Nhãn nội dung QC LDMS/mã vạch (tên tắt của (những) người thực hiện QC) | | | | |
| Ngày và Giờ Đông lạnh (ngày tháng năm/Giờ:Phút) (Giải thích trong phần nhận xét nếu thời gian này không trong vòng 4 giờ kể từ khi bắt đầu xử lý) | | | | |
| Số Ống đông lạnh thực tế Lưu ý: Phải bằng thể tích tái nhũ tương CPS thực tế cho lượng chia 1mL (Vf). | | | | |
| Hoàn tất các mục LDMS còn lại bao gồm tổng số tế bào và thời gian đông lạnh (Tên tắt) | | | | |

Phụ lục A: Bảng quy trình Xử lý PBMC Trang 2/2

Lưu ý: Phải điền các trường trong bảng quy trình xử lý này bằng bút viết thủ công.

Phòng thí nghiệm Xử lý Mẫu:

PTID/PID:

| | |
|--|--|
| Chuyển Ống đông lạnh vào Hộp Bảo quản Đông lạnh | |
| Người chuyển ống đông lạnh vào hộp bảo quản mẫu do LDMS chỉ định | |
| Ngày (ngày/tháng/năm)/giờ được chuyển từ thiết bị đông lạnh điều tốc qua hộp bảo quản. (Phải duy trì mẫu ở -80°C trong khi chuyển) | |
| Kiểm tra Lần đầu (Tên viết tắt/Ngày) | |
| Kiểm tra Lần cuối (Tên viết /Ngày) | |

| Đếm bằng Hemacytometer | Tổng số Tế bào | Tế bào Sống | Không Sống |
|---|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| Hình vuông #1 (tế bào/mm ²) | | | |
| Hình vuông #2 (tế bào/mm ²) | | | |
| Hình vuông #3 (tế bào/mm ²) | | | |
| Hình vuông #4 (tế bào/mm ²) | | | |
| Số tế bào Trung bình theo Hình vuông (tế bào/mm ²) | | | |
| Hệ số Pha loãng PBMC (1:DF*) | | | |
| Hệ số Hemacytometer cho tế bào/mL | 10 ⁴ | 10 ⁴ | 10 ⁴ |
| Nồng độ số tế bào (C) = (Tế bào Trung bình/mm ²)(DF)(10 ⁴); đổi qua 10 ⁶ tế bào/mL | Không áp dụng | x 10 ⁶ tế bào/mL | Không áp dụng |
| % sống = (Tế bào sống 4 ô vuông/tổng tế bào 4 ô vuông) (100) | Không áp dụng | | Không áp dụng |

*Lưu ý: Hệ số Pha loãng (DF) = (phần tế bào + phần chất lỏng pha loãng)/phần tế bào

| | |
|--|-----------------------------|
| Đếm Tế bào Tự động (10 ³ /ml=10 ⁶ /mL) | Số #1 |
| Số Tế bào (C) là số tế bào x10 ⁶ /mL | |
| Hệ số Pha loãng PBMC (1:DF**) | |
| Nồng độ Tế bào = (C)(DF) | x 10 ⁶ tế bào/mL |
| % sống (nếu có) | |

**Lưu ý: Pha loãng cho máy đếm tự động là cực kỳ hiếm. Nếu tiến hành đếm trực tiếp thì nhập 1 trong ô DF và điền cột này.

Không ghi nhận xét, độ lệch giao thức xử lý và thông tin bổ sung trong bảng quy trình xử lý này: